

UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS ĐÔ THỊ VIỆT HƯNG

Biểu mẫu 10

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ
Giáo dục và Đào tạo)

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục phổ thông, năm học 2018-2019

T T	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	890	268	237	194	191
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	885/890	267/268	237/237	190/194	191/191
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	5/890	1/268	0	4/194	0
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực	890	268	237	194	191
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	497/890	150/268	130/237	114/194	103/191
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	337/890	98/268	96/237	65/194	78/191
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	52/890	19/268	11/237	12/194	10/191
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	4/890	1/268	0	3/194	0
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	890	268	237	194	191
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	888/890	268/268	237/237	192/194	191/191
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	497/890	150/268	130/237	114/194	103/191
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	337/890	98/268	96/237	65/194	78/191
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	4/890	1/268	0	3/194	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	2/890	0	0	2/194	0
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	36/37	6/4	11/16	10/9	9/8
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					

1	Cấp Quận	37	0	0	7	30
2	Cấp Thành phố	9	2	0	0	7
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	7	3	3	1	0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	191				191
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	191/191				191/191
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	103/191				103/191
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	78/191				78/191
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	10/191				10/191
VI I	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng công lập (tỷ lệ so với tổng số)	0				
VI II	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng ngoài công lập (tỷ lệ so với tổng số)	0				
IX	Số học sinh nam/số học sinh nữ	463/427	139/129	131/106	97/97	96/95
	Số học sinh dân tộc thiểu số		4	2	0	3

HIỆU TRƯỞNG


NGUYỄN THỊ KIM THÚY



UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS ĐÔ THỊ VIỆT HƯNG

Biểu mẫu 11

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục phổ thông, năm học 2019-2020

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học		Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	22	1.1
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	05	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	4	-
7	Bình quân lớp/phòng học	1	-
8	Bình quân học sinh/lớp	32	-
III	Số điểm trường	01	-
IV	Tổng số diện tích đất (m ²)	19577(m ²)	19.6
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	7100(m ²)	7.1
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	1100(m ²)	1.1
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	1037 (m ²)	0.3
3	Diện tích phòng chuẩn bị (m ²)	50(m ²)	0.08
3	Diện tích thư viện (m ²)	230(m ²)	0.1
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	900(m ²)	0.2
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	630(m ²)	0.4
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	0	Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	22	
1.1	Khối lớp 6	6	1
1.2	Khối lớp 7	6	1
1.3	Khối lớp 8	5	1
1.4	Khối lớp 9	5	1
2	Tổng số thiết bị dạy học còn thiếu so với quy định	0	0
2.1	Khối lớp 6	0	0
2.2	Khối lớp 7	0	0



2.3	Khối lớp 8	0	0
2.4	Khối lớp 9	0	0
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lí (diện tích/thiết bị)	0	0
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	143 bộ	Số học sinh/bộ

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	6	
2	Cát xét	2	
3	Đầu Video/đầu đĩa	2	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	19	
5	Đàn	40	

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	200
XI	Nhà ăn	700

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	02 (230m ²)	400	2.3m
XIII	Khu nội trú			

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	6		14		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	0	0	0

(*Theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/2/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet (ADSL)	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
ĐO THỊ
VIỆT HƯNG
NGUYỄN THỊ KIM THÚY

UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS ĐÔ THỊ VIỆT HƯNG

Biểu mẫu 12

(Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của cơ sở giáo dục phổ thông,
Năm học 2019-2020

STT	Nội dung	Tổng số	Hình thức tuyển dụng		Trình độ đào tạo						Ghi chú
			Tuyển dụng trước ND 116 và tuyển dụng theo ND 116 (Biên chế, hợp đồng làm việc ban đầu, hợp đồng làm việc có thời hạn, hợp đồng làm việc không thời hạn)	Các hợp đồng khác (Hợp đồng làm việc, hợp đồng vụ việc, ngắn hạn, thỉnh giảng, hợp đồng theo ND 68)	TS	ThS	ĐH	CĐ	TCCN	Dưới TCCN	
Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên		56	37	19		8	35	13			
I	Giáo viên	47	29	18		5	30	12			
	Trong đó số giáo viên dạy môn:										
1	Toán	10	6	4		1	5	4			
2	Lý	3	2	1		1	1	1			
3	Hóa	2	1	1			1	1			
4	Văn	8	7	1			7	1			
5	Sử	2		2			1	1			
6	Địa	2	1	1				2			
7	T.Anh	6	3	3		2	3	1			
8	GDCD	1	1				1				
9	Nhạc	1	1				1				
10	Họa	1	1				1				
11	TD	3	2	1			3				
12	Sinh	4	1	3		1	2	1			
13	Công nghệ	2	1	1			2				
14	Tin học	1	1				1				
15	TPT	1	1				1				
II	Cán bộ quản lý	3	3			3					
1	Hiệu trưởng	1	1			1					
2	Phó hiệu trưởng	2	2			2					
III	Nhân viên	6	5	1			5	1			
1	Nhân viên văn thư	1	1				1				
2	Nhân viên kế toán	1	1				1				
3	Thủ quỹ										
4	Nhân viên y tế	1	1					1			
5	Nhân viên thư viện	1	1				1				
6	Nhân viên TBTN	1	1				1				
7	Nhân viên CNTT	1		1			1				

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
TRUNG HỌC CƠ SỞ
ĐÔ THỊ
VIỆT HƯNG
Nguyễn Thị Kim Thúy